

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 63
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 63



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 552/QĐ-TTg ngày 18/04/2011 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Thép Việt Nam. Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 01/10/2011.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100100047 ngày 29/09/2011 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại 91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Thúc Kháng	Chủ tịch HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Mai Văn Tinh	Chủ tịch HĐQT	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)
Ông Lê Phú Hưng	Ủy viên HĐQT	
Ông Nguyễn Minh Xuân	Ủy viên HĐQT	
Ông Vũ Bá Ôn	Ủy viên HĐQT	
Ông Nghiêm Xuân Đa	Ủy viên HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Phú Hưng	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Khôi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Bá Ôn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Tất Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nghiêm Xuân Đa	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2013)
Ông Huỳnh Công Du	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Ông Nguyễn Tiến Thắng	Trưởng ban
Ông Đỗ Văn Cường	Thành viên
Ông Đỗ Hiếu Thuận	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tráng	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

TM. Ban Giám đốc *Phú Hưng*

Tổng Giám đốc



Lê Phú Hưng

101
101
101

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP được lập ngày 25 tháng 03 năm 2014, từ trang 6 đến trang 62, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính các vấn đề sau:

- Tổng Công ty đã hoàn thành báo cáo quyết toán cổ phần hóa và trình Bộ Công thương thẩm định. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này vẫn chưa được Bộ Công thương phê duyệt quyết toán cổ phần hóa và xác định vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần, do vậy Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có thể sẽ có thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày 30 tháng 09 năm 2011.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đang ghi nhận giá trị quyền sử dụng các lô đất xin giao đất có thu tiền sử dụng đất với tổng giá trị là 603.855.529.103 VND, Tính đến 31/12/2013, Tổng Công ty vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với các lô đất này. Tổng Công ty đã có Công văn 1601/VNS-DDV ngày 31/12/2013 gửi Bộ Công thương về việc xin thay đổi phương án sử dụng đất từ giao đất sang thuê đất thời hạn 50 năm cho 03/05 lô đất. Do đó, giá trị các lô đất này có thể thay đổi khi Tổng Công ty được Bộ Công thương chấp thuận phương án hoặc được chính thức giao đất. Do đó, Tổng Công ty chưa xem xét việc trích khấu hao đối với các lô đất này. (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 23).
- Theo Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013, giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định trước ngày Nghị định 59/2011/NĐ-CP có hiệu lực sẽ được khấu trừ vào tiền thuê đất phải nộp của doanh nghiệp cổ phần hóa. Do đó, Tổng công ty không thực hiện phân bổ giá trị lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa để bù trừ dẫn tiền thuê đất phát sinh. (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 17).
- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 16, Báo cáo tài chính của 05 công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên cơ sở là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của các công ty liên kết, do các công ty này chưa công bố Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



The stamp is circular with a red border. Inside, it contains the text: 'CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HÃNG KIỂM TOÁN AASC' and '12 HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI'. A blue ink signature is written across the center of the stamp.

Nguyễn Quốc Dũng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0285-2013-002-1

Kiểm toán viên



A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Nguyễn Diệu Trang'.

Nguyễn Diệu Trang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0938-2013-002-1

1105 - C
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN KIỂM TOÁN
AASC
HÀ NỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.552.600.085.741	10.247.634.189.532
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.277.608.395.309	2.397.672.839.572
111 1. Tiền		1.137.669.169.939	1.985.195.204.635
112 2. Các khoản tương đương tiền		139.939.225.370	412.477.634.937
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	401.398.339.339	166.295.728.386
121 1. Đầu tư ngắn hạn		408.069.093.639	166.295.728.386
129 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(6.670.754.300)	-
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.886.217.176.434	2.542.123.120.003
131 1. Phải thu khách hàng		2.023.361.427.729	2.163.640.823.958
132 2. Trả trước cho người bán		245.855.571.740	388.074.359.035
135 5. Các khoản phải thu khác	5	140.923.355.737	102.498.135.608
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6	(523.923.178.772)	(112.090.198.598)
140 IV. Hàng tồn kho	7	3.674.339.678.296	4.343.801.867.843
141 1. Hàng tồn kho		3.714.981.241.402	4.371.403.422.604
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(40.641.563.106)	(27.601.554.761)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		313.036.496.364	797.740.633.728
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	47.440.432.805	117.912.752.452
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		209.100.966.338	575.055.867.271
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	17.148.614.246	13.925.913.106
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	10	39.346.482.975	90.846.100.899
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.237.091.927.659	15.072.415.252.127
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		1.388.704.884	1.620.635.242
211 1. Phải thu dài hạn của khách hàng		9.016.308.733	5.043.778.434
218 4. Phải thu dài hạn khác		173.502.060	294.298.940
219 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		(7.801.105.909)	(3.717.442.132)
220 II. Tài sản cố định		11.004.458.248.824	10.974.101.933.726
221 1. Tài sản cố định hữu hình	11	4.566.808.369.189	4.895.674.680.467
222 - Nguyên giá		10.344.421.208.862	10.161.690.835.779
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.777.612.839.673)	(5.266.016.155.312)
224 2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	57.892.486.200	-
225 - Nguyên giá		40.358.861.034	-
226 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.466.374.834)	-
227 3. Tài sản cố định vô hình	13	947.083.551.750	941.757.731.184
228 - Nguyên giá		1.018.177.377.774	1.010.841.271.649
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(71.093.826.024)	(69.083.540.465)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	5.452.673.841.685	5.136.669.522.075

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
240 III. Bất động sản đầu tư	15	119.060.874.999	124.534.522.827
241 - Nguyên giá		142.081.153.049	141.623.274.876
242 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(23.020.278.050)	(17.088.752.049)
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16	3.345.356.716.008	3.138.933.936.134
251 1. Đầu tư vào công ty con		84.197.460.002	-
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		3.230.329.116.350	2.907.696.575.092
258 3. Đầu tư dài hạn khác		65.183.082.374	240.147.183.420
259 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(34.352.942.718)	(8.909.822.378)
260 V. Tài sản dài hạn khác		764.689.995.485	821.154.633.200
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	17	749.165.494.680	806.816.504.660
262 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.2	1.016.818.016	1.052.718.693
268 3. Tài sản dài hạn khác	18	14.507.682.789	13.285.409.847
269 VI. Lợi thế thương mại		2.137.387.459	12.069.590.998
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>22.789.692.013.400</u>	<u>25.320.049.441.659</u>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		15.529.103.756.741	17.703.599.890.088
310 I. Nợ ngắn hạn		10.549.263.485.422	12.446.188.886.515
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	19	7.921.216.001.933	8.723.713.493.086
312 2. Phải trả người bán		1.276.833.877.463	2.465.960.092.502
313 3. Người mua trả tiền trước		151.385.302.852	39.965.450.003
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	94.575.950.507	80.240.226.129
315 5. Phải trả người lao động		170.183.748.515	157.206.179.644
316 6. Chi phí phải trả	21	227.665.397.697	139.994.216.516
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	22	590.267.523.828	709.058.605.271
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		117.135.682.627	130.050.623.364
330 II. Nợ dài hạn		4.979.840.271.319	5.257.411.003.573
331 1. Phải trả dài hạn người bán		-	27.633.220
333 3. Phải trả dài hạn khác	23	643.214.872.647	621.562.366.064
334 4. Vay và nợ dài hạn	24	4.333.193.532.776	4.625.710.644.621
335 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.2	-	901.202.386
336 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		169.939.420	-
338 8. Doanh thu chưa thực hiện		3.261.926.476	9.209.157.282
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.135.131.646.084	6.385.762.087.275
410 I. Vốn chủ sở hữu	25	6.134.731.646.084	6.385.762.087.275
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		6.780.000.000.000	6.780.000.000.000
413 3. Vốn khác của chủ sở hữu		110.269.268.255	15.410.955.056
414 4. Cổ phiếu quỹ (*)		(745.623.678)	-
415 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(2.603.866.266)	(2.603.866.266)
416 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		5.735.104.565	2.929.210.151
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		35.517.537.676	32.235.509.482
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		4.093.203.499	3.244.426.276
419 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.057.486.565	808.435.595
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(798.591.464.532)	(446.262.583.019)
430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		400.000.000	-
432 2. Nguồn kinh phí		400.000.000	-
439 C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		1.125.456.610.575	1.230.687.464.296
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		22.789.692.013.400	25.320.049.441.659

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		161.519.728.740	7.838.674.776
2. Nợ khó đòi đã xử lý		23.417.063.162	22.749.115.399
3. Ngoại tệ các loại			
- USD		6.127.592,52	5.748.023,90
- EUR		1.353,08	2.039,86
- RUB		184.078,87	184.078,87
- AUD		394,16	398,54

Người lập biểu

Nguyễn Duy Dũng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Phong

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Lê Phú Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	26.922.421.108.273	29.213.368.231.954
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27	352.891.963.836	123.371.484.607
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28	26.569.529.144.437	29.089.996.747.347
11	4. Giá vốn hàng bán	29	25.188.142.424.731	27.624.045.629.841
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.381.386.719.706	1.465.951.117.506
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	30	153.055.872.456	293.156.848.811
22	7. Chi phí tài chính	31	825.897.970.401	1.295.784.850.427
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		738.101.688.863	1.240.385.965.680
24	8. Chi phí bán hàng		273.785.110.449	283.701.232.297
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.032.166.108.399	718.435.887.172
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(597.406.597.088)	(538.814.003.579)
31	11. Thu nhập khác	32	90.089.920.999	159.301.893.161
32	12. Chi phí khác	33	40.180.478.550	30.627.750.266
40	13. Lợi nhuận khác		49.909.442.449	128.674.142.895
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		226.127.609.059	94.273.500.598
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(321.369.545.580)	(315.866.360.086)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	23.375.904.091	27.027.929.377
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	34.2	(865.301.709)	462.080.772
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>(343.880.147.962)</u>	<u>(343.356.370.235)</u>
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(88.758.378.258)	33.725.063.714
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		(255.121.769.704)	(377.081.433.949)
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	(376)	(556)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc





Nguyễn Duy Dũng

Nguyễn Thanh Phong

Lê Phú Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

Theo phương pháp gián tiếp

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	(321.369.545.580)	(315.866.360.086)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định	567.237.663.707	573.651.757.918
03	- Các khoản dự phòng	461.070.526.936	55.094.802.349
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	37.907.416.289	(10.715.004.706)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(322.281.373.321)	(197.895.310.510)
06	- Chi phí lãi vay	738.101.688.863	1.240.385.965.680
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	1.160.666.376.895	1.344.655.850.645
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	636.354.848.499	1.238.377.134.596
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	656.422.181.202	1.118.142.719.712
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(1.161.635.258.095)	339.521.446.132
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	121.987.277.704	(210.515.796.279)
13	- Tiền lãi vay đã trả	(745.795.596.107)	(1.323.826.396.668)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(30.325.653.114)	(29.263.599.731)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15.848.473.706	247.522.579.130
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(90.722.794.180)	(497.795.445)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	562.799.856.510	2.724.116.142.092
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(424.769.730.168)	(1.408.300.316.778)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	9.570.772.913	16.390.949.752
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(79.215.425.780)	(4.089.458.769)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	18.510.370.573	222.389.536.036
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(291.170.760.000)	(286.737.723.783)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	19.643.644.421	36.872.276.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	229.889.837.726	246.250.818.375
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(517.541.290.315)	(1.177.223.919.167)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	25.021.707.749.504	26.587.394.031.447
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(26.184.792.928.116)	(27.428.710.653.861)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	(1.616.838.964)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1.164.702.017.576)	(841.316.622.414)

50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(1.119.443.451.381)	705.575.600.511
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	2.397.672.839.572	1.692.820.836.798
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(620.992.882)	(723.597.737)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<u>1.277.608.395.309</u>	<u>2.397.672.839.572</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Dũng

Nguyễn Thanh Phong

Lê Phú Hưng

1111
CÔNG
CHẾ
NG KI
A.S
2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 552/QĐ-TTg ngày 18/04/2011 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Thép Việt Nam. Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 01/10/2011.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100100047 ngày 29/09/2011 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại 91 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 6.780.000.000.000 VND.

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Trụ sở chính	Hà Nội	Quản lý và kinh doanh thép
Văn phòng Trụ sở phía Nam	Hồ Chí Minh	Quản lý và kinh doanh thép
Trung tâm Hợp tác Lao động với nước ngoài	Hà Nội	Xuất khẩu lao động
Công ty Thép Tấm Lá Phú Mỹ	Bà Rịa, Vũng Tàu	Sản xuất thép
Công ty Thép Miền Nam	Bà Rịa, Vũng Tàu	Sản xuất thép
Công ty Tư vấn Thiết kế Luyện kim	Hồ Chí Minh	Tư vấn thiết kế
Khách sạn Phương Nam	Bà Rịa, Vũng Tàu	Kinh doanh khách sạn, du lịch
Chi nhánh Miền Trung	Khánh Hòa	Kinh doanh thép
Chi nhánh Miền Tây	Cần Thơ	Kinh doanh thép
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thép
Công ty Kinh doanh và dịch vụ VNSTEEL Long An	Long An	Kinh doanh thép
Chi nhánh VNSTEEL Đà Nẵng	Đà Nẵng	Kinh doanh thép

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2013 bao gồm:

Các công ty con đầu tư trực tiếp tại thời điểm 31/12/2013 bao gồm:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Kim Khí Hà Nội	Việt Nam	89,37%	89,37%	Kinh doanh thép
Công ty CP Kim Khí TP.HCM	Việt Nam	55,67%	55,67%	Kinh doanh thép
Công ty CP Kim Khí Miền Trung	Việt Nam	82,95%	82,95%	Kinh doanh thép
Công ty CP Kim Khí Bắc Thái	Việt Nam	65,50%	65,50%	Kinh doanh thép
Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	65,00%	65,00%	Sản xuất và Kinh
Công ty CP Tôn mạ VNSteel Thăng Long	Việt Nam	89,01%	89,01%	Sản xuất và Kinh doanh thép
Công ty CP Giao nhận kho vận Ngoại thương TPHCM	Việt Nam	95,37%	95,37%	Giao nhận vận chuyển
Công ty CP Thép Nhà Bè	Việt Nam	86,05%	86,05%	Kinh doanh thép
Công ty CP Thép Biên Hòa	Việt Nam	65,00%	65,00%	Kinh doanh thép
Công ty CP Thép Thủ Đức	Việt Nam	65,00%	65,00%	Kinh doanh thép
Công ty SX SP Mạ công nghiệp Vingal	Việt Nam	90,00%	90,00%	Mạ công nghiệp
Công ty Cổ phần Thép Dự ứng lực Việt Nam	Việt Nam	64,38%	51,00%	Kinh doanh thép

